

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2020/DS-PT

Ngày 24-11-2020

V/v tranh chấp quyền sử dụng đất và tài  
sản gắn liền với đất, yêu cầu hủy Giấy  
CNQSDĐ, yêu cầu bồi thường thiệt hại  
về tài sản.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Minh Thùy.

*Các Thẩm phán:* Ông Lộc Sơn Thái;  
Ông Cao Đức Chiến.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thanh Xuân, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:** Bà Lăng Thị Hương, Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 11 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 39/2020/TLPT-DS, ngày 05 tháng 10 năm 2020 về Tranh chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2020/DS-ST ngày 29 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 71/2020/QĐ-PT ngày 28-10-2020, Quyết định thay đổi người tiến hành tố tụng số 158/2020/QĐ-CA ngày 18-11-2020, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:**

1. Ông Nông Văn N; cư trú tại: Thôn N, xã C, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

2. Bà Vi Thị P; cư trú tại: Thôn N, xã C, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

*Người đại diện theo ủy quyền của ông Nông Văn N và bà Vi Thị P:* Anh Nông Văn K, cư trú tại: Thôn N, xã C, huyện L, tỉnh Lạng Sơn (Giấy ủy quyền ngày 21/8/2020); có mặt.

- *Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của các nguyên đơn:* Bà Lương Thị Hương L, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Vi Văn M, cư trú tại: Thôn N, xã C, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

*Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Vi Văn M:* Anh Vi Văn Đ, cư trú tại: Thôn N, xã C, huyện L, tỉnh Lạng Sơn (Giấy ủy quyền ngày 17/8/2020); có mặt.

- *Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn:* Bà Triệu Thị Kim L, Luật sư, Trợ giúp pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Ủy ban nhân dân (UBND) huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Người đại theo ủy quyền: Ông Hoàng Đình H, Phó Trưởng phòng Tài nguyên - Môi trường huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Địa chỉ: Khu T, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn (Giấy ủy quyền số 36/UQ-UBND ngày 24/3/2020); vắng mặt.

2. Anh Nông Văn K, cư trú tại: Thôn N, xã C, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

3. Anh Nông Văn Đ, cư trú tại: Thôn N, xã C, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

4. Chị Đàm Thị C, cư trú tại: Thôn N, xã C, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

*Người đại diện theo ủy quyền của anh Nông Văn Đ, chị Đàm Thị C:* Anh Nông Văn K, cư trú tại: Thôn N, xã C, huyện L, tỉnh Lạng Sơn (Giấy ủy quyền ngày 21/8/2020); có mặt.

5. Anh Vi Văn Đ, cư trú tại: Thôn N, xã C, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

6. Bà Vi Thị K,

7. Anh Vi Văn T,

8. Chị Vi Thị V,

9. Chị Vi Thị A,

10. Anh Vi Bá T,

Cùng cư trú tại: Thôn N, xã C, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, đều vắng mặt.

*Người đại diện theo ủy quyền của bà Vi Thị K, anh Vi Văn T, chị Vi Thị V, chị Vi Thị A, anh Vi Bá T:* Anh Vi Văn Đ, cư trú tại: Thôn N, xã C, huyện L, tỉnh Lạng Sơn (Giấy ủy quyền ngày 17/8/2020); có mặt.

- *Người kháng cáo:* ông Vi Văn M là bị đơn.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và Bản án dân sự sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Theo nội dung đơn khởi kiện và kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 28 tháng 4 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn; ông Nông Văn N và bà Vi Thị P với ông Vi Văn M tranh chấp với nhau quyền quản lý, sử dụng 17.321m<sup>2</sup> đất thuộc thửa đất số 772, tờ bản đồ số 02, Bản đồ địa chính xã C, địa chỉ: H, Thôn N, xã C, huyện L, tỉnh Lạng Sơn (gọi tắt là thửa đất tranh chấp); đã được UBND huyện L, tỉnh Lạng Sơn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) cho hộ ông Nông Văn N, bà Vi Thị P vào năm 2011; trên đất đều là các cây mọc tự nhiên gồm 06 cây thông, 04 cây trám đen, 07 cây sau sau, 01 cây kháo, 01 cây gỗ tạp và cây bụi như sim, mua, giàng giàng. Theo kết quả định giá tài sản, trị giá quyền sử dụng đất là 86.605.000 đồng, trị giá cây trồng trên đất là 5.691.000 đồng.

Theo nguyên đơn, trước năm 1999 khu đất tranh chấp bỏ không, không có người quản lý, sử dụng; từ năm 1999 gia đình ông Nông Văn N quản lý, phát dọn, khai thác cây mọc tự nhiên và hái củi trên diện tích đất tranh chấp. Đến năm 2008, khi UBND xã C triển khai chủ trương kê khai đăng ký cấp GCNQSDĐ thì gia đình ông đã kê khai và đã được cấp GCNQSDĐ vào ngày 06-5-2011 mang tên hộ ông Nông Văn N và bà Vi Thị P. Cuối năm 2017 gia đình ông Nông Văn N phát dọn thực bì để trồng cây thì gia đình ông Vi Văn M ngăn cản và gửi đơn đến UBND xã C; UBND xã C tiến hành hòa giải nhưng không thành và hướng dẫn các bên khởi kiện đến Tòa án. Do ông Vi Văn M không khởi kiện nên đến tháng 4-2018 gia đình ông Nông Văn N trồng cây thông thì bị ông Vi Văn M và bà Vi Thị K nhổ 757 cây thông con. Nay ông Nông Văn N và bà Vi Thị P khởi kiện yêu cầu được quản lý, sử dụng 17.321m<sup>2</sup> đất thuộc thửa đất số 772, tờ bản đồ số 02 Bản đồ địa chính xã C mà gia đình ông bà đã được cấp GCNQSDĐ; yêu cầu được sở hữu tài sản trên đất tranh chấp; yêu cầu ông Vi Văn M bồi thường 10.985.000 tương đương với trị giá 757 cây thông con đã bị ông Vi Văn M và bà Vi Thị K nhổ. Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, nguyên đơn rút yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản.

Bị đơn là ông Vi Văn M cho rằng, nguồn gốc đất tranh chấp là của ông cha ông để lại, sau khi bố của ông là cụ Vi Đình X chết, từ năm 1976 đến nay ông Vi Văn M là người trực tiếp quản lý sử dụng diện tích đất tranh chấp. Năm 2005 vợ ông là bà Vi Thị K trồng khoảng 100 cây thông trên diện tích đất tranh chấp nhưng đã bị chết, hiện chỉ còn một số cây phía giáp đất ông Vi Văn Pảo; những cây còn lại trên đất tranh chấp đều là cây mọc tự nhiên. Năm 2006- 2008, gia đình ông thuê người đến sả gỗ trên diện tích đất nói trên. Năm 2000, ông Nông Văn N mang cây thông lên trồng nhưng ông ngăn cản; năm 2017 gia đình ông Nông Văn N tiếp tục phát dọn thực bì nên ông đã báo chính quyền địa phương hòa giải nhưng không thành; đến năm 2018 khi phát hiện gia đình ông Nông Văn N trồng cây thông trên đất tranh chấp nên vợ chồng ông đã nhổ bỏ toàn bộ 757 cây thông trên thửa đất tranh chấp. Đối với yêu cầu khởi kiện của

nguyên đơn, ông không đồng ý; đề nghị Tòa án hủy GCNQSDĐ mà gia đình ông Nông Văn N đã được cấp đối với thửa đất số 772, tờ bản đồ số 02 Bản đồ địa chính xã Chiến Thắng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về phía nguyên đơn là anh Nông Văn K, anh Nông Văn Đ, chị Đàm Thị C nhất trí với phần trình bày và yêu cầu của phía nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về phía bị đơn là bà Vi Thị K, anh Vi Văn Đ, anh Vi Văn T, anh Vi Bá T; chị Vi Thị V, chị Vi Thị A do người đại diện theo ủy quyền anh Vi Văn Đ nhất trí với phần trình bày và yêu cầu của phía bị đơn.

Người đại theo ủy quyền của UBND huyện L trình bày: Hồ sơ cấp GCNQSDĐ đối với thửa đất 772, đất rừng sản xuất RSN-IIa, tờ bản đồ số 02 Bản đồ địa chính xã C, lập năm 2008, mang tên hộ ông Nông Văn N và bà Vi Thị P được thực hiện theo đúng quy định tại Điều 50 của Luật Đất đai năm 2003. Cùng thời điểm đó, ông Vi Văn M được UBND huyện L cấp GCNQSDĐ đối với thửa đất 04 thửa đất gồm các thửa 654, 757, 810 và thửa 864 cùng tờ bản đồ số 02 Bản đồ địa chính xã C. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Với những nội dung như trên, Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2020/DS-ST ngày 29-7-2020 của Tòa án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn đã căn cứ khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 158; khoản 1 Điều 165; khoản 1 Điều 166; khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 244; các Điều 229, 266, 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 688 của Bộ luật Dân sự 2005; Điều 357 của Bộ luật Dân sự 2015; các Điều 105, 106, 136 Luật Đất đai 2003; Điều 66 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ, điểm đ khoản 1 Điều 12; điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nông Văn N và bà Vi Thị P.

Buộc ông Vi Văn M và gia đình ông Vi Văn M phải trả hộ ông Nông Văn N và bà Vi Thị P 17.321m<sup>2</sup> đất thuộc thửa số 772, tờ Bản đồ địa chính số 02 xã C, đã được UBND huyện L cấp GCNQSDĐ ngày 06 tháng 5 năm 2011 mang tên hộ ông Nông Văn N và bà Vi Thị P,

Hộ ông Nông Văn N và bà Vi Thị P được quyền quản lý, sử dụng thửa đất tranh chấp và quyền sở hữu toàn bộ tài sản là cây trồng gắn liền với thửa đất tranh chấp nói trên.

(Có sơ họa kèm theo)

2. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của ông Nông Văn N và bà Vi Thị P về việc yêu cầu ông Vi Văn M bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm là 757 cây thông, với số tiền là 10.985.000 đồng.

3. Không chấp nhận yêu cầu của ông Vi Văn M về việc yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Nông Văn N, bà Vi Thị P đối với thửa đất số 772 tờ bản đồ 02, Bản đồ địa chính xã C.

4. Về chi phí tố tụng, buộc ông Vi Văn M phải hoàn trả cho ông Nông Văn N và bà Vi Thị P mỗi người 9.275.000đ (chín triệu hai trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Ngoài ra, Bản án còn quyết định về nghĩa vụ chịu chịu lãi chậm trả, nghĩa vụ án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Trong thời hạn luật định, bị đơn Vi Văn M có đơn kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2020/DS-ST ngày 29-7-2020 của Tòa án nhân dân huyện Chi Lăng; đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa toàn bộ Bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nông Văn N và bà Vi Thị P; công nhận gia đình ông Vi Văn M có quyền quản lý, sử dụng diện tích đất tranh chấp, hủy GCNQSDĐ mang tên hộ ông Nông Văn N và bà Vi Thị P đối với thửa đất 772 tờ bản đồ 02, Bản đồ địa chính xã C; ông Vi Văn M không phải chịu chi phí tố tụng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện theo ủy quyền của ông Vi Văn M giữ nguyên yêu cầu kháng cáo với lý do: Nguồn gốc đất tranh chấp là của ông cha ông ông Vi Văn M để lại và được gia đình ông Vi Văn M trực tiếp quản lý sử dụng từ năm 1976 nay và được Nhà nước cấp sổ bìa xanh vào năm 1996. Năm 2005 bà Vi Thị K đã trồng khoảng 100 cây thông trên đất tranh chấp, hiện còn một số cây tiếp giáp với đất của ông Vi Văn Pảo. Năm 2006, 2008 gia đình ông Vi Văn M khai thác cây mọc tự nhiên để lấy gỗ về sử dụng nhưng gia đình ông Nông Văn N không có ý kiến gì. Hai bên đã phát sinh tranh chấp về thửa đất nói trên từ năm 1999 - 2000 và đã được thôn giải quyết nhưng ông Nông Văn N vẫn được cấp GCNQSDĐ là không đúng quy định. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông Vi Văn M.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không đồng ý với nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Mặc dù không có tài liệu chứng cứ chứng minh việc tranh chấp thửa đất số 772 tờ bản đồ số 02, bản đồ địa chính xã C giữa gia đình ông Vi Văn M và gia đình ông Nông Văn N phát sinh từ năm 1999 - 2000 nhưng thực tế tranh chấp có xảy ra. Khi tranh chấp chưa được giải quyết dứt điểm, ông Nông Văn N đã thực hiện kê khai và được cấp GCNQSDĐ là không đúng quy định của pháp luật. Mặt khác, những người cao tuổi có đất liền kề là ông Vi Văn H, ông Vi Minh N, ông Vi Văn H, ông Vi Văn Đ, ông Vi Văn N, bà Vi Thị C, bà Vi Văn V, bà Vi Thị D...có lời khai làm chứng cho gia đình Vi Văn M về việc gia đình ông Vi Văn M quản lý, sử dụng thửa đất tranh chấp từ năm 1976 đến nay. Do đó, yêu cầu hủy GCNQSDĐ của ông Vi Văn M đưa ra là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Vi Văn M.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ngoài lời trình bày của mình, gia đình ông Vi Văn M không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh nguồn gốc đất tranh chấp và việc phát sinh tranh chấp đối với thửa đất tranh chấp từ năm 1999 - 2000. Việc cấp GCNQSDĐ đối với diện tích đất đang tranh chấp cho gia đình ông Nông Văn N được thực hiện theo đúng trình tự thủ tục luật định. Quyết định của Bản án sơ thẩm là có căn cứ, phù hợp pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bác toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bị đơn; giữ nguyên Bản án sơ thẩm 03/2020/DS-ST ngày 29-7-2020 của Tòa án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn.

Ý kiến của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tại phiên tòa phúc thẩm:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Về nội dung: Ngoài lời trình bày, gia đình ông Vi Văn M không xuất trình được tài liệu, chứng cứ chứng minh nguồn gốc đất tranh chấp do ông cha để lại. Nguyên đơn, bị đơn đều xác định đất tranh chấp là đất rừng tự nhiên; gia đình ông Nông Văn N có ruộng dưới chân đất đồi có đất tranh chấp, do đó việc ông Nông Văn N quản lý, tu bổ và khai thác củi trên đất tranh chấp từ năm 1999 là có cơ sở. Ông Vi Văn M cho rằng khoảng năm 1999-2000 đã phát sinh tranh chấp, năm 2005 bà Vi Thị K trồng thông trên diện tích đất tranh chấp nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Vì vậy, việc UBND huyện L cấp GCNQSDĐ cho hộ ông Nông Văn N là đúng theo quy định của Luật Đất đai 2003 về trình tự, thủ tục; quá trình thực hiện không phát sinh khiếu nại. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên ông Vi Văn M phải chịu toàn bộ chi phí thẩm định, định giá theo quy định của pháp luật. Từ các căn cứ nêu trên thấy, toàn bộ kháng cáo của ông Vi Văn M là không có căn cứ chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông Vi Văn M, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2020/DS-ST ngày 29-7-2020 của Tòa án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Tại phiên tòa, vắng mặt người đại diện theo ủy quyền của UBND huyện L, tỉnh Lạng Sơn là ông Hoàng Đình H nhưng ông Hoàng Đình H đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Đối với những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan còn lại gồm anh Nông Văn Đ, chị Đàm Thị C, bà Vi Thị K, anh Vi Văn T, chị Vi Thị V, chị Vi Thị A, anh Vi Bá T vắng mặt nhưng đã có người đại diện theo ủy quyền tham gia phiên tòa. Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có tên nói trên.

[2] Quá trình giải quyết vụ án, gia đình ông Vi Văn M không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh nguồn gốc đất là của ông cha để lại và việc gia đình ông trực tiếp quản lý sử dụng đất tranh chấp từ năm 1976.

[3] Theo Hồ sơ giao quyền quản lý và sử dụng rừng, đất trồng rừng (sổ bìa xanh) và Quyết định số 383 ngày 01-5-1996 của Chủ tịch UBND huyện L (tài liệu do ông Vi Văn M cung cấp) thể hiện gia đình ông Vi Văn M được giao quyền quản lý, sử dụng 1,5ha đất để trồng rừng gồm các lô 548, 521, 539. Nội dung này phù hợp với Bảng thống kê hiện trạng rừng và đất trồng rừng khi nhận đất nhận rừng do UBND huyện L cung cấp. Tòa án cấp sơ thẩm và phúc thẩm đã yêu cầu UBND huyện L, Chi cục Kiểm lâm tỉnh và Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh cung cấp Bản đồ giao đất lâm nghiệp của xã C, huyện L nhưng các cơ quan chức năng đều không còn lưu giữ được Bản đồ, vì vậy Tòa án không có cơ sở để yêu cầu đối chiếu, lồng ghép Bản đồ.

[4] Theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và mảnh trích đo khu đất tranh chấp lập ngày 28-4-2020 thể hiện ranh giới hiện trạng của thửa đất tranh chấp do các đương sự xác định tại thực địa trùng khớp với ranh giới của thửa 772 đất trên Bản đồ (không có sự trùng lấn lên thửa đất khác). Vì vậy, bị đơn cho rằng diện tích đất đang tranh chấp với thửa đất 757 mà gia đình ông Vi Văn M đang quản lý sử dụng và đã được cấp GCNQSDĐ cùng là một thửa là không có căn cứ.

[5] Căn cứ hồ sơ giao quyền quản lý và sử dụng rừng, đất trồng rừng, Quyết định số 383 ngày 01-5-1996 và Bảng thống kê hiện trạng rừng và đất trồng rừng khi nhận đất nhận rừng nói trên cho thấy, tại địa danh H gia đình ông Vi Văn M chỉ được giao 01 lô đất (lô 521) với diện tích 0,5ha. Năm 2011, ông Vi Văn M đã kê khai và được cấp GCNQSDĐ đối với 01 thửa đất tại khu H, đó chính là thửa đất số 757 diện tích 13.995,0m<sup>2</sup>, liền kề với thửa đất đang tranh chấp. Mặt khác, ngoài thửa đất 757, gia đình ông Vi Văn M còn được Nhà nước cấp 03 GCNQSDĐ khác tương ứng với thửa đất số 654, 810, 864 cùng tờ bản đồ số 02 Bản đồ địa chính xã C. Việc cấp GCNQSDĐ cho gia đình ông Vi Văn M đối với 04 thửa đất nói trên được thực hiện cùng thời điểm cấp GCNQSDĐ cho gia đình ông Nông Văn N đối với thửa đất đang tranh chấp. Hồ sơ cấp GCNQSDĐ có trích lục hình thể thửa đất, biên bản xác nhận ranh giới mốc thửa đất và chữ ký ráp ranh của các chủ sử dụng đất tiếp giáp. Vì vậy, không có căn cứ để xác định, năm 1996 gia đình ông Vi Văn M được Nhà nước giao quyền quản lý sử dụng đối với thửa đất tranh chấp; việc ông Vi Văn M và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan về phía ông Vi Văn M cho rằng không biết gia đình ông Nông Văn N được cấp GCNQSDĐ đối với thửa đất đang tranh chấp là không có cơ sở.

[6] Tại Công văn số 52/CV-UBND ngày 08-6-2020 UBND xã C cho biết, trước thời điểm cấp GCNQSDĐ các bên sử dụng đất theo đúng ranh giới và không có tranh chấp. Vì vậy, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan về phía bị đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn cho rằng UBND huyện L cấp GCNQSDĐ đối với thửa đất đang tranh chấp cho gia đình

ông Nông Văn N khi tranh chấp đã phát sinh chưa được giải quyết dứt điểm là không có căn cứ.

[7] Quá trình giải quyết vụ án ông Vi Văn M thừa nhận trước năm 1999 cây mọc trên đất tranh chấp là cây tự nhiên. Do ông Vi Văn M không chứng minh được nguồn gốc và quá trình quản lý sử dụng đất tranh chấp nên nếu gia đình ông Vi Văn M có nhờ người đến khai thác, sẻ gỗ trên diện tích đất tranh chấp cũng không đồng nghĩa với việc gia đình ông Vi Văn M là chủ quản lý, sử dụng hợp pháp đối với diện tích đất tranh chấp.

[8] Mặt khác, Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ với sự có mặt của các đương sự, đại diện cơ quan chuyên môn và chính quyền địa phương, kết quả xem xét thẩm định tài sản trên đất tranh chấp có 06 cây thông, 04 cây trám đen, 07 cây sau sau, 01 cây kháo, 01 cây gỗ tạp đều là cây mọc tự nhiên. Vì vậy, không có căn cứ xác định năm 2005 bà Vi Thị K trồng thông trên diện tích đất tranh chấp.

[9] Những người làm chứng là ông Vi Văn H, ông Vi Minh N, ông Vi Văn H, ông Vi Văn Đ, ông Vi Văn N, bà Vi Thị C, bà Vi Văn V, bà Vi Thị D cho rằng đất tranh chấp là của ông Vi Văn M. Xét lời khai của những người làm chứng nói trên không phù hợp với tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên lời khai đó không có giá trị chứng minh.

[10] Từ những phân tích và đánh giá nêu trên, Hội đồng xét xử thấy việc UBND huyện L cấp GCNQSDĐ đối với thửa đất số 772, tờ bản đồ số 02, Bản đồ địa chính xã C cho hộ ông Nông Văn N, bà Vi Thị P là đúng đối tượng, đúng trình tự thủ tục nên không có căn cứ để hủy GCNQSDĐ. Việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nông Văn N và bà Vi Thị P và bác yêu cầu của ông Vi Văn M về việc hủy GCNQSDĐ mang tên ông Nông Văn N và bà Vi Thị P là có căn cứ, phù hợp pháp luật.

[11] Về chi phí tố tụng: Tổng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá là 18.550.000 đồng đã được ông Nông Văn N và bà Vi Thị P chi trả toàn bộ. Do yêu cầu khởi kiện của ông Nông Văn N và bà Vi Thị P được chấp nhận nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông Vi Văn M phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158, khoản 1 Điều 165, khoản 1 Điều 166 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[12] Sau khi thụ lý phúc thẩm đến nay, người kháng cáo không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình. Do kháng cáo của ông Vi Văn M không có căn cứ nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không có cơ sở để chấp nhận. Vì vậy, đề nghị chấp nhận kháng cáo mà bị đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn đưa ra không được Hội đồng xét xử chấp nhận. Nhận định của Hội đồng xét xử phù hợp với ý kiến của nguyên đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn và quan điểm của Kiểm sát viên phát biểu tại phiên tòa.



[13] Về án phí: Ông Vi Văn M phải chịu án phí dân sự phúc thẩm nhưng do ông Vi Văn M là người cao tuổi và đã có đơn xin miễn án phí nên Hội đồng xét xử quyết định miễn toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm cho ông Vi Văn M.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158, khoản 1 Điều 165, khoản 1 Điều 166, khoản 2 Điều 244, khoản 2 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 166, 357 và 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 50, 105, 136 của Luật Đất đai năm 2003; Điều 14, Điều 66 Nghị định số 84/2007/NĐ-Cp ngày 25-5-2007; khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 2 Điều 27, khoản 1 Điều 29, điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Vi Văn M, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2020/DS-ST ngày 29-7-2020 của Tòa án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn; cụ thể:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nông Văn N và bà Vi Thị P.

1.1 Hộ ông Nông Văn N và bà Vi Thị P được quyền quản lý, sử dụng 17.321m<sup>2</sup> đất thuộc thửa đất số 772, tờ bản đồ số 02, Bản đồ địa chính xã C; địa chỉ: H, Thôn N, xã C, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; có độ dài các cạnh và ranh giới tiếp giáp thể hiện trên mảnh trích đo khu đất đang tranh chấp ký hiệu TĐ số 17-2020 do Công ty Cổ phần Trắc địa Bản đồ và Môi trường S đo vẽ ngày 28-4-2020; đã được Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng số phát hành BI 176264, sổ vào sổ cấp Giấy chứng nhận CH 00613, ngày 06 tháng 5 năm 2011 mang tên hộ ông Nông Văn N và bà Vi Thị P.

Hộ ông Nông Văn N và bà Vi Thị P được quyền sở hữu toàn bộ tài sản là cây trồng trên diện tích đất nói trên gồm 06 cây thông, 04 cây trám đen, 07 cây sau sau, 01 cây kháo, 01 cây gỗ tạp và các cây bụi như sim, mua, giàng giàng.

(Có Mảnh trích đo khu đất kèm theo).

1.2 Buộc ông Vi Văn M, bà Vi Thị K, anh Vi Văn Đ, anh Vi Văn T, chị Vi Thị V, chị Vi Thị A, anh Vi Bá T trả lại tài sản tranh chấp nêu tại mục 1.1 cho hộ ông Nông Văn N và bà Vi Thị P.

2. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của ông Nông Văn N và bà Vi Thị P về việc yêu cầu ông Vi Văn M bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm là trị giá 757 cây thông với số tiền là 10.985.000 đồng.

3. Không chấp nhận yêu cầu của ông Vi Văn M về việc yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số phát hành BI 176264, sổ vào sổ cấp Giấy chứng nhận CH 00613 do UBND huyện L, tỉnh Lạng Sơn cấp ngày 06 tháng 5 năm 2011 mang tên hộ ông Nông Văn N và bà Vi Thị P đối với thửa đất số 772 tờ bản đồ 02, Bản đồ địa chính xã C.

4. Về chi phí tố tụng: Ông Vi Văn M phải chịu toàn bộ tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, với tổng số tiền là 18.550.000 đồng. Buộc ông Vi Văn M phải hoàn trả cho ông Nông Văn N, bà Vi Thị P mỗi người 9.275.000 đồng (chín triệu hai trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

5. Về án phí: Ông Vi Văn M được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Tổ HCTP; Phòng KTNV&THA;
- TAND huyện L, tỉnh Lạng Sơn;
- CC THADS Huyện L, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự; người TGTT khác;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(đã ký)**

**Nguyễn Thị Minh Thùy**